

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẠM TẤU
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08 /2021/HS-ST

Ngày: 03-6-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẠM TẤU, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lò Văn Quỳnh;

2. Bà Trần Thị Tuyết.

Thư ký phiên toà: Ông Hồ A Say - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu tham gia phiên toà:
Bà Hà Thị Huế - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2021/TLST-HS ngày 02 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 5 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Sùng A N, sinh ngày 02 tháng 9 năm 1987 tại xã Túc Đ, huyện T, tỉnh Yên Bái; nơi cư trú thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp trồng trọt; trình độ văn hóa (học vấn) 9/12; dân tộc Mông; giới tính Nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Sùng A C (đã chết) và bà Mùa Thị S (đã chết); có vợ là Hằng Thị Dủ; có 02 con; tiền án, tiền sự không; bị giữ khẩn cấp từ ngày 19 tháng 11 năm 2020, tạm giam từ ngày 21 tháng 11 năm 2020; "Có mặt".

2. Hà Kim C, sinh ngày 25 tháng 3 năm 1966 tại xã Bình T, huyện V, tỉnh Yên Bái; nơi cư trú thôn T, xã B, huyện V, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn) 7/12; dân tộc Tày; giới tính Nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Hà Xuân T (đã chết) và bà Hoàng Thị S, sinh năm 1927; có vợ là Hoàng Thị M; có 02 con; tiền sự không; tiền án có 02 tiền án: Bản án số 15/2016/HSST, ngày 05-5-2016 Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn xử phạt 02 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” đến ngày 23-10-2017, chấp hành xong án phạt tù; bản án số 24/2018/HS-ST, ngày 23-5-2018 Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn xử phạt 07 tháng tù về tội “Đánh bạc” đến ngày 06-02-2019, chấp hành xong án phạt tù; nhân thân ngày 13-3-2007 bị Công an huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái ra Quyết định số 01/QĐ-XPHC xử

phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”; bị tạm giữ từ ngày 17 tháng 11 năm 2020, tạm giam từ ngày 21 tháng 11 năm 2020; "Có mặt".

3. Đặng Ngọc T, sinh ngày 24 tháng 8 năm 1958 tại xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú thôn V, xã C, huyện Văn C, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn) 6/10; dân tộc Kinh; giới tính Nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Đặng Ngọc M (đã chết) và bà Lê Thị T (đã chết); có vợ là Đoàn Thị T, có 03 con; tiền án không, tiền sự không; bị tạm giữ từ ngày 17 tháng 11 năm 2020, bị tạm giam từ ngày 21 tháng 11 năm 2020, đến ngày 04-12-2020 được tại ngoại tại nơi cư trú; "Có mặt".

- *Người bào chữa cho bị cáo Hà Kim C và bị cáo Sùng A N*: Bà Nguyễn Thị H - Trợ giúp viên pháp lý của chi nhánh Trợ giúp pháp lý số 1, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Yên Bái; "Có mặt".

- *Người có quyền lợi liên quan*:

+ Anh Hà Ngọc H, sinh năm 1993; nơi cư trú thôn T, xã B, huyện V, tỉnh Yên Bái; "Có mặt".

- *Người tham gia tố tụng khác*

+ *Người chứng kiến*: Anh Hoàng Văn N; nơi cư trú thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái; "Vắng mặt".

+ *Người phiên dịch tiếng Mông*: Ông Mùa A L- Cán bộ Chi cục thi hành án dân sự huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái; "Có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 17-11-2020 Đặng Ngọc T gọi điện cho Sùng A N hẹn mua Heroine, sau đó Trung gọi điện cho Hà Kim C bảo Cương đến nhà T chở Trung đi mua Heroine, C nhất trí và dùng xe máy của gia đình đến chở T đi mua Heroine. Khi cả hai đi đến thôn L, xã T thì vào nhà của Sùng A N; khi đến trong nhà của Sùng A N có một người đàn ông lạ mặt, tại đây Sùng A N đã giúp người đàn ông lạ mặt bán cho T một chỉ Heroine với giá 2.700.000 đồng (trước khi bán theo yêu cầu của T thì người đàn ông lạ mặt có cho T thử Heroine), sau khi mua được Heroine T bẻ một ít Heroine ra để sử dụng cho đủ liều. C mua của Nhà 03 viên ma túy tổng hợp, với giá 120.000 đồng, C sử dụng luôn một viên, sau đó C tiếp tục mua của N 1,95 chỉ Heroine, với giá 5.450.000 đồng, sau khi mua được Heroine C bẻ một ít ra sử dụng, không sử dụng hết C gói lại bằng túi nilon màu xanh, bên ngoài gói thêm túi nilon màu trắng và cho vào túi áo, mặt trong chiếc áo C đang mặc. Số Heroine còn lại C gói rồi kẹp cùng hai viên ma túy tổng hợp và đưa cho T cầm hộ, sau đó C điều khiển xe mô tô chở T ngồi sau, khi về đến thôn P, xã T thì bị Công an xã Túc Đán bắt quả tang số ma túy T cất giấu. Khi kiểm tra bị cáo Hà Kim C để đưa vào Nhà tạm

giữ Công an huyện Trại Tầu, đã phát hiện thu giữ trong túi áo khoác bị cáo C đang mặc 01 túi nilon màu trắng, bên trong có 01 gói nilon màu xanh có chứa chất bột nén màu trắng. C khai nhận chất bột nén màu trắng là Heroine, sau khi mua Heroine đã bẻ ra một ít để sử dụng, nhưng không sử dụng hết nên để trong túi áo.

Tại bản kết luận giám định số: 187/GĐMT ngày 24-11-2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái kết luận:

1. Chất bột nén màu trắng thu giữ khi bắt quả tang Đặng Ngọc T và Hà Kim C:

- Trong gói nilon màu xanh thứ nhất có trọng lượng là: 5,3 gam.

+ 0,1 gam trích từ 5,3 gam chất bột nén màu trắng gửi giám định là ma túy; loại Heroine.

- Trong gói nilon màu xanh thứ hai có trọng lượng là: 2,9 gam.

+ 0,1 gam trích từ 2,9 gam chất bột nén màu trắng gửi giám định là ma túy; loại Heroine.

2. 02 viên nén hình tròn dẹt màu đỏ trên mặt của mỗi viên nén đều có chữ WY thu giữ khi bắt quả tang Đặng Ngọc T và Hà Kim C có tổng trọng lượng là: 0,2 gam.

- 0,2 gam các viên nén hình tròn dẹt màu đỏ trên mặt của mỗi viên nén đều có chữ WY gửi giám định là ma túy; loại Methamphetamine.

3. Chất bột nén màu trắng thu giữ của Hà Kim C có trọng lượng là: 0,22 gam.

- 0,08 gam trích từ 0,22 gam chất bột nén màu trắng gửi giám định là ma túy; loại Heroine.

Heroine nằm trong Danh mục I, STT: 9, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15-5-2018 của Chính phủ.

Methamphetamine nằm trong Danh mục II, STT: 323, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15-5-2018 của Chính phủ.

Tại kết luận giám định bổ sung số: 125/C09-TT2 ngày 06-5-2021 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận:

Hàm lượng Heroine trong các mẫu chất bột nén màu trắng ghi số 1,2,3 gửi giám định lần lượt là: 22,6%; 21,2 % và 21,8%.

Như vậy, sau khi giám định lại hàm lượng thì các gói Heroine lần lượt có khối lượng như sau:

1. Gói nilon màu xanh thứ nhất có trọng lượng là: 5,3 gam x 22,6% = 1,19 gam Heroine.

2. Gói nilon màu xanh thứ hai có trọng lượng là: 2,9 gam x 21,2% = 0,61 gam Heroine.

3. Chất bột nén màu trắng thu giữ của Hà Kim C có trọng lượng là: 0,22 gam x 21,8% = 0,04 gam Heroine.

Tổng khối lượng Heroine bắt quả tang Trung, Cường và thu giữ trong túi áo Cường sau khi giám định hàm lượng là 1,84 gam cùng với 0,2 gam Methamphetamine. Tổng khối lượng ma túy mà các bị cáo mua bán, tàng trữ là 2,04 gam.

Bản cáo trạng số: 06/CT-VKS-TT ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trầm Thủy, tỉnh Yên Bái đã truy tố bị cáo Sùng A N về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c, điểm p khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Hà Kim C về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm n, điểm o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Đặng Ngọc T về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm n khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi mình đã thực hiện. Bị cáo C đề nghị nhận lại 150.000 đồng, ví giả da và 01 chiếc điện thoại bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội; người có quyền lợi liên quan đề nghị được nhận lại xe mô tô.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trầm Thủy giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Sùng A N phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”; các bị cáo Đặng Ngọc T và Hà Kim C phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng điểm c, điểm p khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Sùng A N từ 08 (*tám*) năm đến 08 (*tám*) năm 06 (*sáu*) tháng tù;

Áp dụng điểm n, điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hà Kim C từ 05 (*năm*) năm 06 (*sáu*) tháng đến 06 (*sáu*) năm tù;

Áp dụng điểm n khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 ; khoản 1 Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đặng Ngọc T từ 05 (*năm*) năm 03 (*ba*) tháng đến 05 (*năm*) năm 09 (*chín*) tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Vật chứng: Áp dụng điểm a, điểm b, điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, điểm b, điểm c khoản 2, điểm a, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 7,92 gam ma túy, loại Heroine còn lại sau khi lấy mẫu giám định để trong một phong bì thư do Viện khoa học hình sự Bộ công an phát hành, đã được niêm phong; 03 (*ba*) vỏ phong bì thư do bưu điện Việt Nam phát hành đã mở niêm phong, bên trong hai phong bì có các mảnh nilon gói.

- Truy thu nộp ngân sách Nhà nước của Sùng A N: 5.570.000 (*năm triệu năm trăm bảy mươi nghìn*) đồng.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động, loại bàn phím, màu đen, nhãn hiệu Masstel, đã qua sử dụng và 01 (một) điện thoại di động, loại cảm ứng, màu trắng, nhãn hiệu SAMSUNG, điện thoại đã qua sử dụng.

- Trả lại Hà Kim C 01 (một) điện thoại di động loại cảm ứng, màu trắng, nắp lưng màu vàng nhạt, nhãn hiệu OPPO, điện thoại đã cũ; 01 (một) ví giả da màu nâu và 150.000 đồng.

- Trả lại Hà Ngọc H: 01 (một) xe máy, loại xe nữ, màu đỏ đen, nhãn hiệu HONDA, xe đã cũ, đã qua sử dụng.

Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Đặng Ngọc T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo Sùng A N, Hà Kim C được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Ý kiến tranh luận của bị cáo T: Khi tôi sử dụng Heroine tôi cảm nhận không được nguyên chất, có nhiều tạp chất, nên tôi làm đơn đề nghị Tòa án trung cầu giám định hàm lượng. Sau khi giám định hàm lượng ma túy của chúng tôi mua bán, tàng trữ tính ra chỉ còn 1,84 gam Heroine và 0,2 gam Methamphetamine. Như vậy, tôi chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự ở khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 249 để xét xử tôi.

- Ý kiến tranh luận của bị cáo C: Đề nghị sử dụng kết quả giám định hàm lượng của Viện khoa học hình sự Bộ công an để xét xử các bị cáo.

- Ý kiến tranh luận của bị cáo N: Đề nghị áp dụng khối lượng ma túy sau khi đã giám định hàm lượng để xét xử.

- Người bào chữa cho các bị cáo N và C trình bày lời bào chữa: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật còn hạn chế; sau khi tội phạm bị phát hiện đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo N là lao động chính trong gia đình. Mẹ bị cáo C có công với nước được Nhà nước tặng huân chương kháng chiến hạng nhất, bà nội là mẹ Việt Nam anh hùng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Sùng A N 07 (bảy) năm tù; áp dụng điểm điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s, khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hà Kim C 05 (năm) năm tù.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Nhà và Cương.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận bổ sung gì; người có quyền lợi liên quan không có ý kiến tranh luận gì.

- Ý kiến đối đáp của Kiểm sát viên:

Nhất trí với đề nghị của người bào chữa là áp dụng tình tiết giảm nhẹ thật thà khai báo đối với Sùng A N.

Đối với đề nghị của các bị cáo, người bào chữa là sử dụng kết quả giám định hàm lượng ma túy của Viện khoa học hình sự Bộ công an để xét xử các bị cáo, Kiểm sát viên không nhất trí. Bởi số ma túy đã được Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái giám định xác định khối lượng, loại ma túy Heroine, không thuộc trường bắt buộc phải giám định hàm lượng theo theo thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24-12-2007; thông tư liên tịch số 08/2015/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 14-11-2015; công văn số 315/TANDTC-PC ngày 11 tháng 12 năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nh khai nhận sau khi mua được Heroine, bị cáo lấy ra sử dụng hai lần, sau đó mang cất giấu rồi bán cho C, còn đối với người đàn ông đã bán ma túy cho T Cơ quan điều tra không xác minh được là ai, do đó không có đủ căn cứ để xác định người thực hiện hành vi phạm tội đã trộn các chất không phải là ma túy vào chất ma túy, vì vậy đây không thuộc trường hợp cần thiết phải giám định hàm lượng theo thông tư liên tịch số 08 và công văn 315, nên Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố và luận tội tại phiên tòa.

- Ý kiến đối đáp của người bào chữa: Trong vụ án này chính bị cáo T sử dụng ma túy và cảm nhận thấy có nhiều tạp chất, nên bị cáo đã có đơn đề nghị giám định hàm lượng ma túy; kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái chỉ cân trọng lượng, không xác định hàm lượng; trong thông tư liên tịch số 08 nêu từng trường hợp cần phải giám định hàm lượng, ngoài các trường hợp cụ thể, nếu có căn cứ và xét thấy cần thiết thì Tòa án trực tiếp trung cầu giám định để đảm bảo xét xử đúng quy định của pháp luật. Trường hợp này có đơn của bị cáo T và xét thấy cần thiết nên Tòa án đã trung cầu giám định hàm lượng, trên thực tế hàm lượng Heroine trong gói ma túy thu giữ của các bị cáo là rất thấp; hơn nữa Bộ luật hình sự quy định là Heroine, như vậy phải là Heroine nguyên chất. Nên tôi đề nghị Hội đồng xét xử sử dụng kết luận giám định hàm lượng của Viện khoa học hình sự Bộ công an để xét xử các bị cáo.

- Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố và luận tội tại phiên tòa.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ, đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trạm Tấu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục

quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Người bào chữa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai tại phiên tòa của các bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, đã có đủ cơ sở kết luận:

Trưa ngày 17-11-2020, tại nơi ở của Sùng A N, thôn L, xã T, huyện T; Sùng A N có hành vi giúp một người một đàn ông bán cho Đặng Ngọc T 0,61 gam Heroine, với giá 2.700.000 đồng, ngoài ra Sùng A N đã bán cho Hà Kim C 1,23 gam Heroine và 0,2 gam Methamphetamine, với giá 5.570.000 đồng; Sùng A N phải chịu trách nhiệm hình sự với hành vi bán, giúp bán với tổng khối lượng ma túy là 2,04 gam. Đặng Ngọc T có hành vi mua 0,61 gam Heroine và cầm hộ Hà Kim C 1,19 gam Heroine, 0,2 gam Methamphetamine, mục đích Trung và Cường mua ma túy về để sử dụng, trên đường về nhà đến thôn P, xã T thì bị bắt quả tang, nên Đặng Ngọc T phải chịu trách nhiệm về hành vi tàng trữ với tổng khối lượng ma túy là 2 gam. Hà Kim C có hành vi tàng trữ 1,23 gam Heroine cùng 0,2 gam Methamphetamine và dùng xe mô tô chở Đặng Ngọc T đi mua 0,61 gam Heroine, C phải chịu trách nhiệm hình sự về toàn bộ số ma túy của bị cáo và của T cộng lại, tổng cộng với khối lượng ma túy là 2,04 gam.

Các bị cáo Sùng A N, Đặng Ngọc T và Hà Kim C là những người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Các bị cáo nhận thức rõ việc mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm luật hình sự và biết được tác hại của ma túy đối với sức khỏe con người và đời sống xã hội. Bị cáo N do vụ lợi nên đã cố ý thực hiện, nhằm mục đích thu lời bất chính; bị cáo T và C cố ý thực hiện, nhằm thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân.

Hành vi mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy mà các bị cáo thực hiện đã xâm phạm trực tiếp đến chính sách phòng, chống và kiểm soát ma túy của Nhà nước; tiếp tay cho tệ nạn ma túy gia tăng; ảnh hưởng đến sức khỏe con người; là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác và xâm hại trật tự an toàn xã hội.

Các bị cáo Đặng Ngọc T và Hà Kim C trước khi đi mua ma túy không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng bị cáo, nên đây là trường hợp đồng phạm giản đơn. Trong đó C tàng trữ khối lượng ma túy lớn hơn T, nên về hành vi tàng trữ C phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn T.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trầm Thủy giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Sùng A N về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c, điểm p khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Đặng Ngọc T về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm n khoản 2 Điều 249; truy tố bị cáo Hà Kim C về tội “*Tàng trữ trái*

phép chất ma túy” quy định tại điểm n, điểm o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào kết luận giám định số: 125/C09-TT2 ngày 06-5-2021 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an xác định hàm lượng ma túy thì tổng khối lượng Heroine các bị cáo mua bán, tàng trữ là 1,84 gam cùng với kết luận giám định của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái về Methamphetamine có khối lượng là 0,2 gam. Trong đó bị cáo Sùng A N và bị cáo Hà Kim C phải chịu với tổng khối lượng là 2,04 gam, Đặng Ngọc T phải chịu là 2 gam. Cáo trạng của Viện kiểm sát và lời luận tội của Kiểm sát viên kết tội các bị cáo về trọng lượng Heroine mà không căn cứ vào kết quả giám định hàm lượng Heroine là chưa chính xác. Hội đồng xét xử căn cứ vào kết quả giám định hàm lượng về Heroine, không áp dụng tình tiết tăng nặng định khung về khối lượng ma túy đối với các bị cáo.

Bị cáo Sùng A N cùng một thời điểm đã giúp người đàn ông lạ mặt bán ma túy cho T và N trực tiếp bán ma túy cho C. Như vậy, hành vi của Sùng A N là phạm tội mua bán trái phép chất ma túy, thuộc trường hợp đối với hai người trở lên theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Đối với Hà Kim C, bản án số 24/2018/HS-ST, ngày 23-5-2018 Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn xác định bị cáo tái phạm, xử phạt bị cáo Cương 07 tháng tù về tội “Đánh bạc”; đến ngày phạm tội mới 17-11-2020, bị cáo chưa được xóa án tích lại cố ý thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, nên hành vi của bị cáo C đã phạm vào tội tàng trữ trái phép chất ma túy, thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Đối với Đặng Ngọc T tàng trữ 0,61 gam Heroine và cầm hộ Hà Kim C 1,19 gam Heroine, 0,2 gam Methamphetamine, nên đã đủ về lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

[3] Nhân thân: Các bị cáo Sùng A N, Đặng Ngọc T và bị cáo Hà Kim C là người nghiện chất ma túy, ngoài ra C còn có nhiều tiền án, nên xác định các bị cáo là người có nhân thân xấu tại địa phương.

[4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, các bị cáo cùng được hưởng; mẹ đẻ bị cáo Hà Kim C có công với nước được Nhà nước tặng huân chương kháng chiến hạn nhất, bà nội C là mẹ Việt Nam anh hùng, đây được đánh giá là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ thêm cho bị cáo C.

[5] Căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo như đã phân tích ở trên, cần áp dụng hình phạt tù, cách ly các bị

cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để giáo dục riêng các bị cáo, đồng thời răn đe và phòng ngừa chung.

[6] Hình phạt bổ sung: Gia đình các bị cáo không có tài sản gì có giá trị lớn; gia đình bị cáo N thuộc diện hộ nghèo và nợ Ngân hàng 20.000.000 đồng; gia đình bị cáo C thuộc hộ cận nghèo của xã. Nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Vật chứng và tài sản tạm giữ:

- Đối với: 7,92 gam ma túy, loại Heroine còn lại sau khi lấy mẫu giám định để trong một phong bì thư do Viện khoa học hình sự Bộ công an phát hành, đã được niêm phong. Đây là vật cấm tàng trữ, lưu hành, nên tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- 03 (ba) vỏ phong bì thư do bưu điện Việt Nam phát hành đã mở niêm phong, bên trong hai phong bì có các mảnh nilon gói. Xét không có giá trị, nên cần tịch thu tiêu hủy, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Đối với: 5.570.000 đồng bị cáo Sùng A N bán ma túy cho bị cáo C, đây là tiền do bị cáo Nh phạm tội mà có, cơ quan điều tra không thu giữ được, Hội đồng xét xử truy thu để nộp ngân sách Nhà nước, theo điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Đối với: 01 (một) điện thoại di động, loại bàn phím, màu đen, nhãn hiệu Masstel và 01 (một) điện thoại di động, loại cảm ứng, màu trắng, nhãn hiệu SAMSUNG thu giữ của bị cáo T và bị cáo C, đây là điện thoại các bị cáo sử dụng liên lạc với nhau để đi mua ma túy, cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- 01 (một) điện thoại di động loại cảm ứng, màu trắng, nắp lưng màu vàng nhạt, nhãn hiệu OPPO; 01 (một) ví giả da màu nâu và 150.000 đồng thu giữ của bị cáo C. Đây là tài sản của bị cáo, không liên quan đến tội phạm, cần căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, để trả lại cho bị cáo C.

- 01 (một) xe máy BKS: 21V6 –9882, loại xe WEVERS, nhãn hiệu HONDA, xe đã cũ, đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Hà Kim C, đây là tài sản của con bị cáo là Hà Ngọc H, việc bị cáo sử dụng mô tô đi để mua ma túy, con bị cáo không biết, không có lỗi. Cần căn cứ khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự trả lại xe mô tô cho con bị cáo là Hà Ngọc H quản lý.

[8] Án phí và các vấn đề khác:

Đối với người đàn ông dân tộc Mông là người đã bán Heroine cho T và người phụ nữ đã bán Heroine cho N. Cơ quan điều tra không xác minh được, nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với hành vi sử dụng chất ma túy của Đặng Ngọc T và Hà Kim C tại nơi ở của Sùng A N. Nhà không biết, nên Nhà không phạm tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo N thuộc diện hộ nghèo, bị cáo C thuộc hộ cận nghèo; các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, các bị cáo có đơn xin miễn án phí. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 6 Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí cho các bị cáo.

Các bị cáo, người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tội danh: Tuyên bố bị cáo Sùng A N phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Tuyên bố bị cáo Hà Kim C và bị cáo Đặng Ngọc T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

2. Điều luật áp dụng và hình phạt:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Sùng A N 07 (*bảy*) năm 06 (*sáu*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày giữ khẩn cấp bị cáo, là ngày 19-11-2020.

Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Hà Kim C 05 (*năm*) năm 06 (*sáu*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo, là ngày 17-11-2020.

Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Đặng Ngọc T 01 (*một*) năm 09 (*chín*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ đi 18 ngày tạm giữ, tạm giam.

3. Vật chứng: Áp dụng điểm a, điểm b, điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, điểm b, điểm c khoản 2, điểm a, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 7,92 gam ma túy, loại Heroine còn lại sau khi lấy mẫu giám định để trong một phong bì thư do Viện khoa học hình sự Bộ công an phát hành, đã được niêm phong; 03 (*ba*) vỏ phong bì thư do bưu điện Việt Nam phát hành đã mở niêm phong, bên trong hai phong bì có các mảnh nilon gói.

- Truy thu nộp ngân sách Nhà nước của Sùng A N: 5.570.000 (*năm triệu năm trăm bảy mươi nghìn*) đồng.

- Tích thu nộp ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động, loại bàn phím, màu đen, nhãn hiệu Masstel, đã qua sử dụng và 01 (một) điện thoại di động, loại cảm ứng, màu trắng, nhãn hiệu SAMSUNG, điện thoại đã qua sử dụng.

- Trả lại Hà Kim C 01 (một) điện thoại di động loại cảm ứng, màu trắng, nắp lưng màu vàng nhạt, nhãn hiệu OPPO, điện thoại đã cũ; 01 (một) ví giả da màu nâu và 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng.

- Trả lại Hà Ngọc H: 01 (một) xe máy, loại xe nữ, màu đỏ đen, nhãn hiệu HONDA, xe đã cũ, đã qua sử dụng.

4. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Đặng Ngọc T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo Sùng A N, Hà Kim C được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo phần Bản án có liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật các bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Trạm Tấu;
- Công an huyện Trạm Tấu;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Trạm Tấu;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái;
- Các Bị cáo;
- Người bào chữa cho các bị cáo Nhà, Cương;
- Người có quyền lợi liên quan;
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- Chi cục Thuế Nghĩa Vãn- Trạm Tấu;
- Chi cục Hải quan tỉnh Yên Bái;
- Lưu hs, TA, THA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Xuân